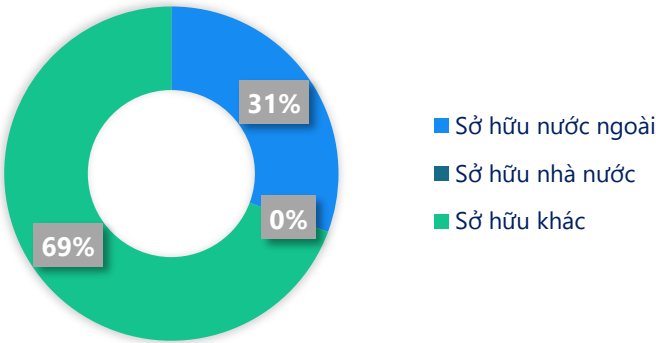


CƠ CẤU TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

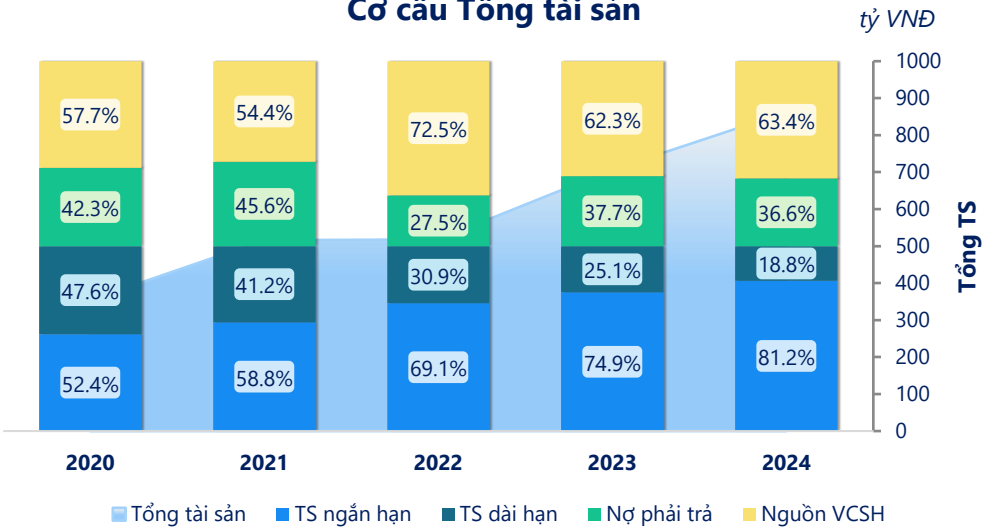
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		300,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		332,515
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		212,135
SL cổ phiếu LH		3,090,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,399
% sở hữu nước ngoài		30.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		547
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		927
P/E		
EPS		

	YTD	1T	3T	6T
HLB		0.0%	-1.6%	17.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu sở hữu



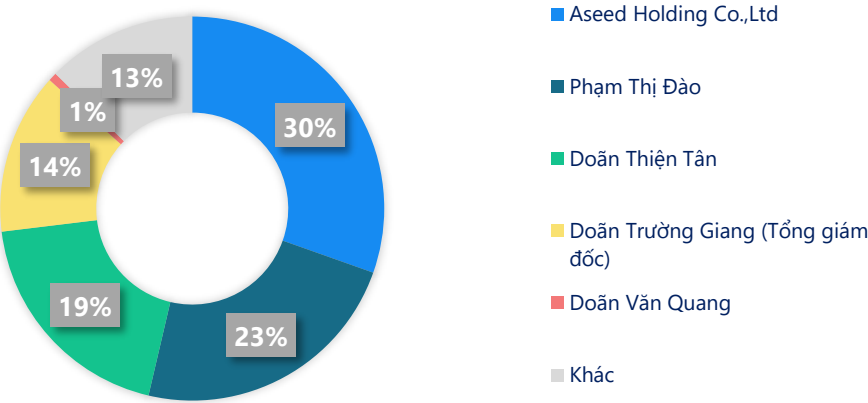
Cơ cấu Tổng tài sản



Tổng tài sản của **HLB** năm 2024 tăng trưởng **22.1%** so với năm trước, đạt **862.6** tỷ đồng. Trong đó, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn trong Tổng tài sản là 81.2%, lớn hơn tài sản dài hạn. Với cơ cấu Nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng là 63.4%, cao hơn nợ phải trả.

Cần phân tích cụ thể sự thay đổi giá trị cũng như cơ cấu tổng tài sản những năm gần đây.

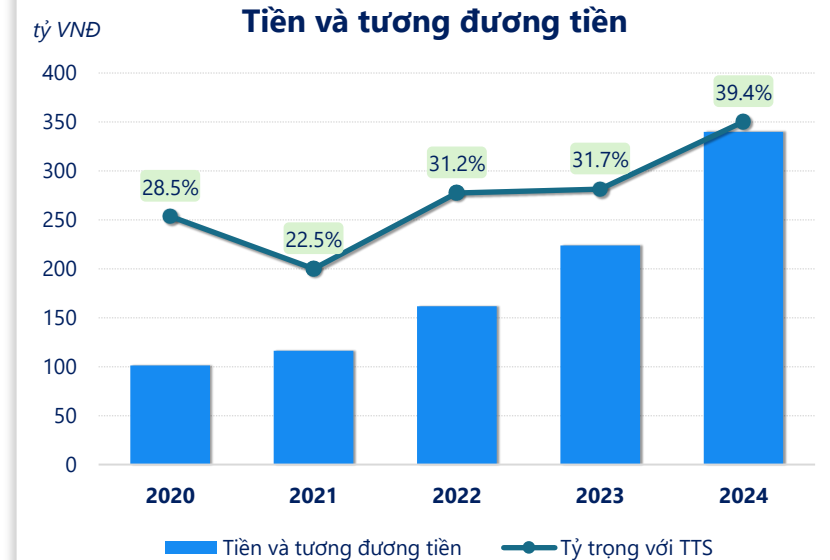
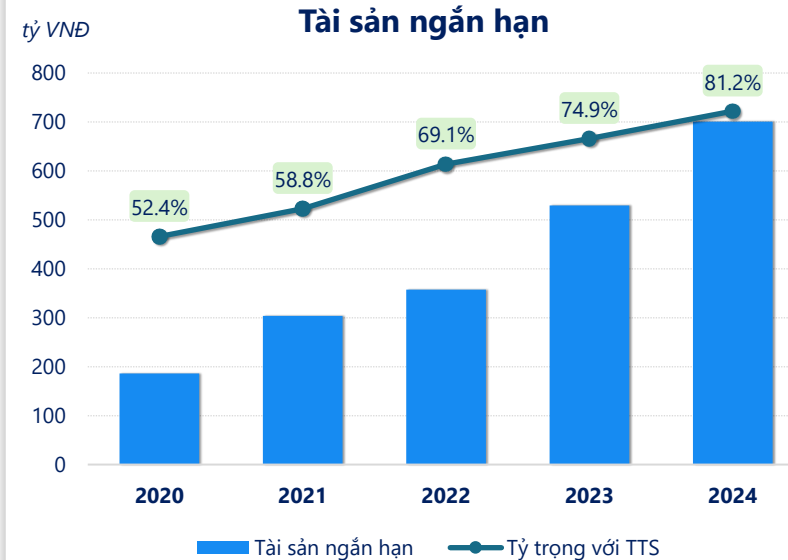
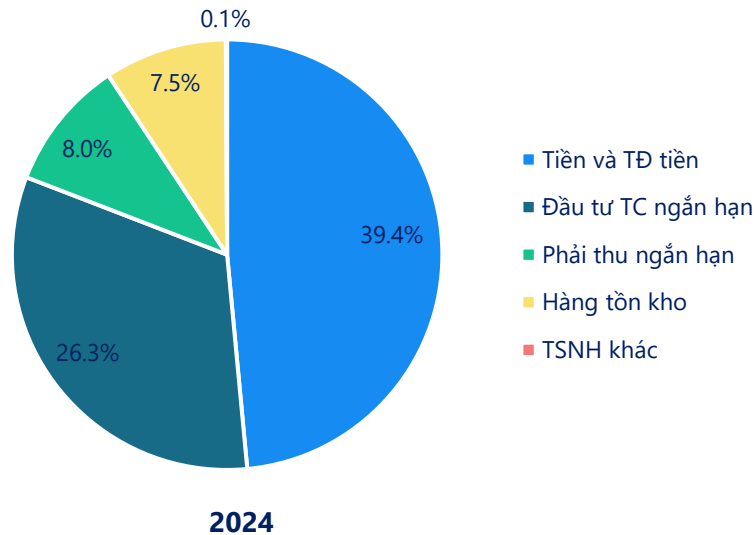
Cơ cấu cổ đông



Về cơ cấu sở hữu, **sở hữu khác** chiếm tỷ lệ cao nhất là **69.3%**, tiếp đến là sở hữu nước ngoài 30.7% và không có sở hữu nhà nước.

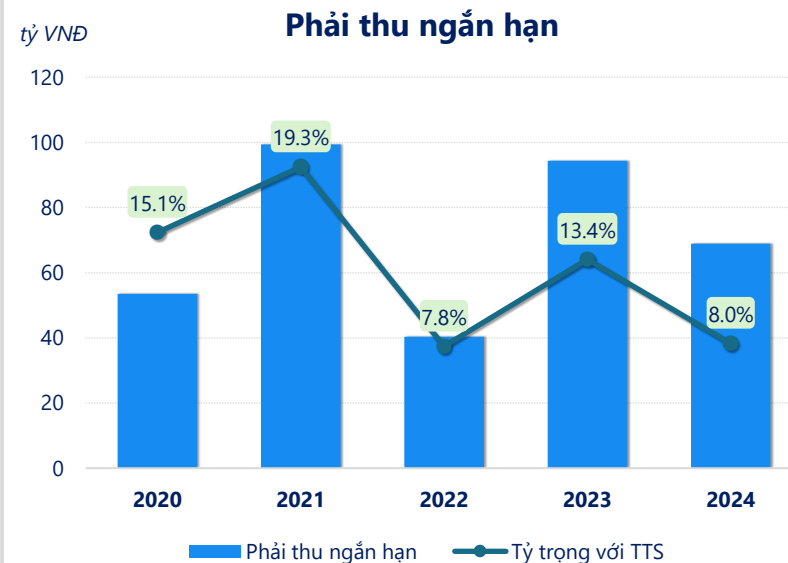
Trong đó, cổ đông lớn nhất là **Aseed Holding Co.,Ltd** sở hữu **30.4%**, lớn thứ 2 là Phạm Thị Đào nắm giữ 23.2% và đứng thứ 3 là Doãn Thiện Tân nắm giữ 19.4%.

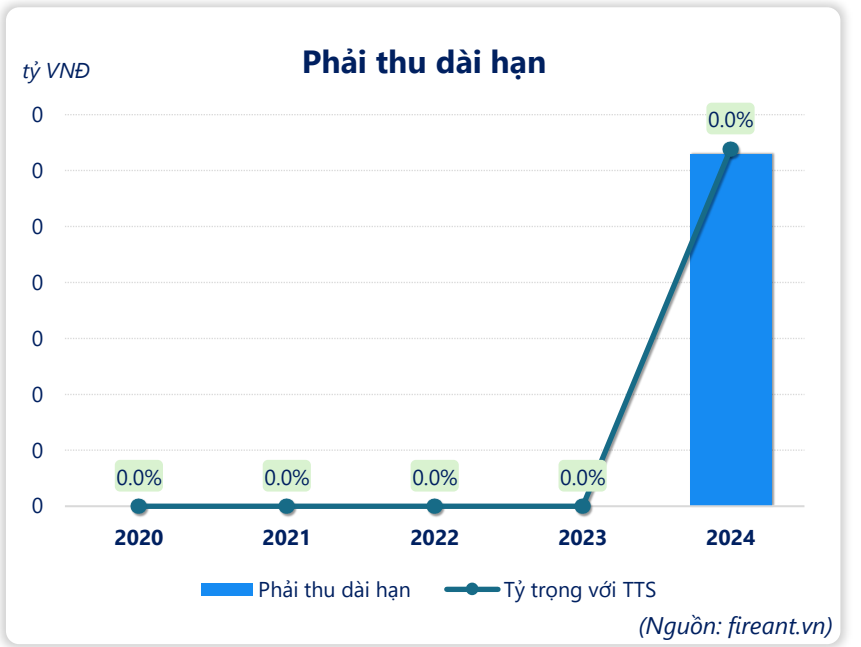
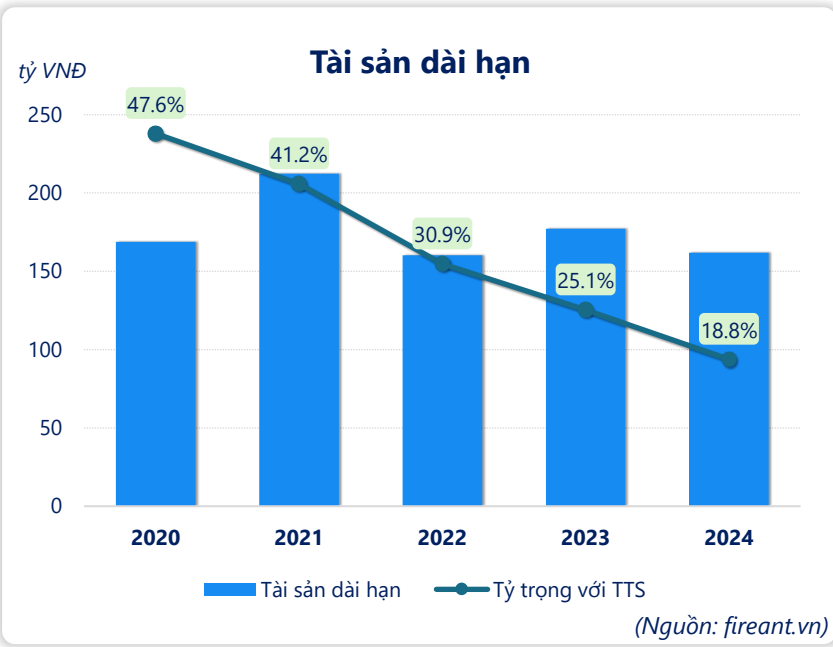
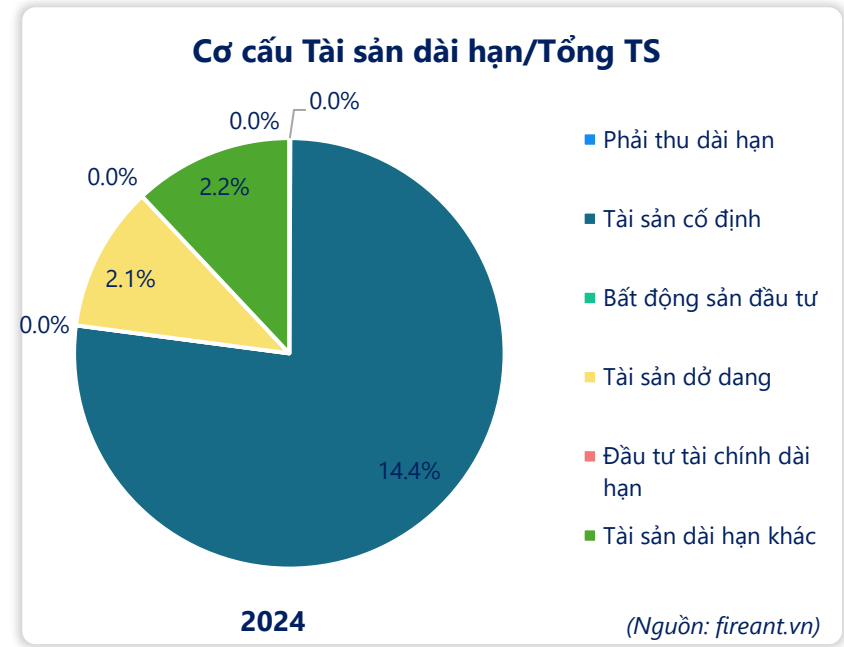
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tài sản ngắn hạn năm 2024 của HLB đạt **700.8** tỷ đồng, tăng trưởng **32.3%** so với năm trước. Cùng với đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên so với năm trước chiếm **81.2%** tổng tài sản. Trong đó, **tiền và tương đương tiền** chiếm tỷ trọng lớn nhất **39.4%**, tiếp đến là đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm 26.3% trên tổng tài sản.

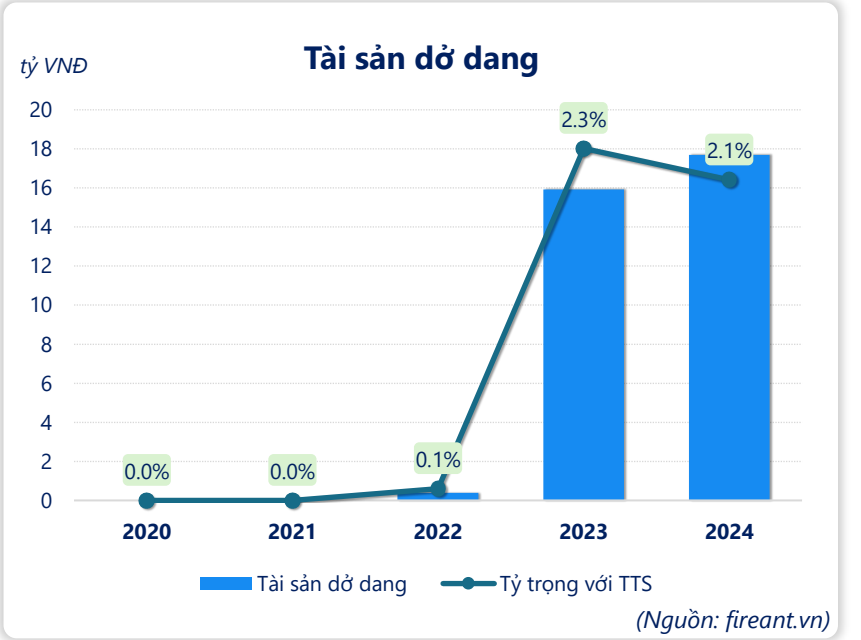
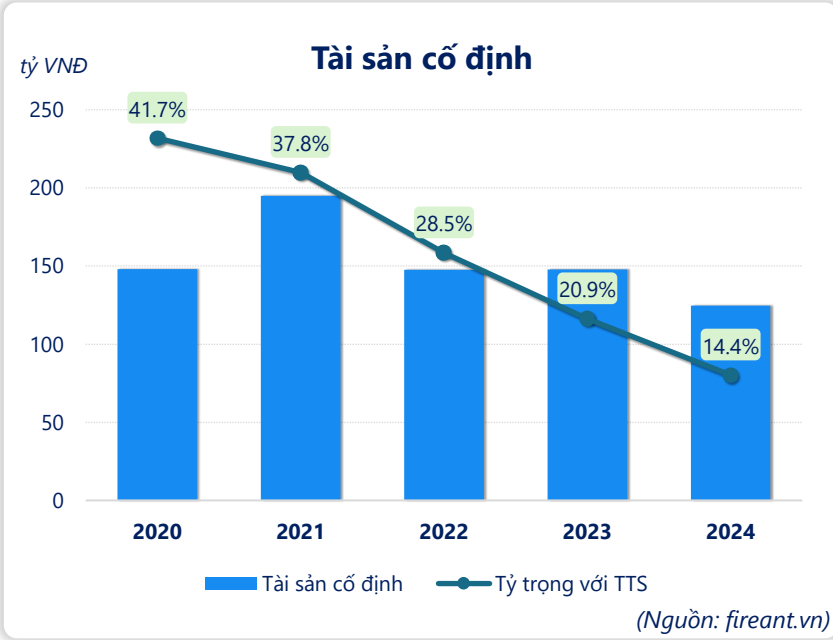
Phân tích cơ cấu tài sản ngắn hạn giúp đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn và mức độ cân đối trong cấu trúc tài sản.

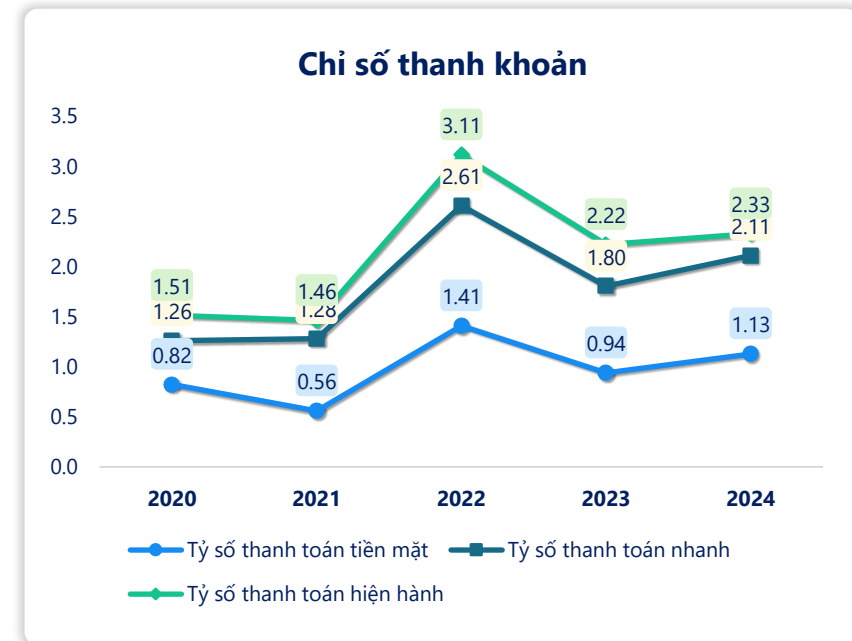
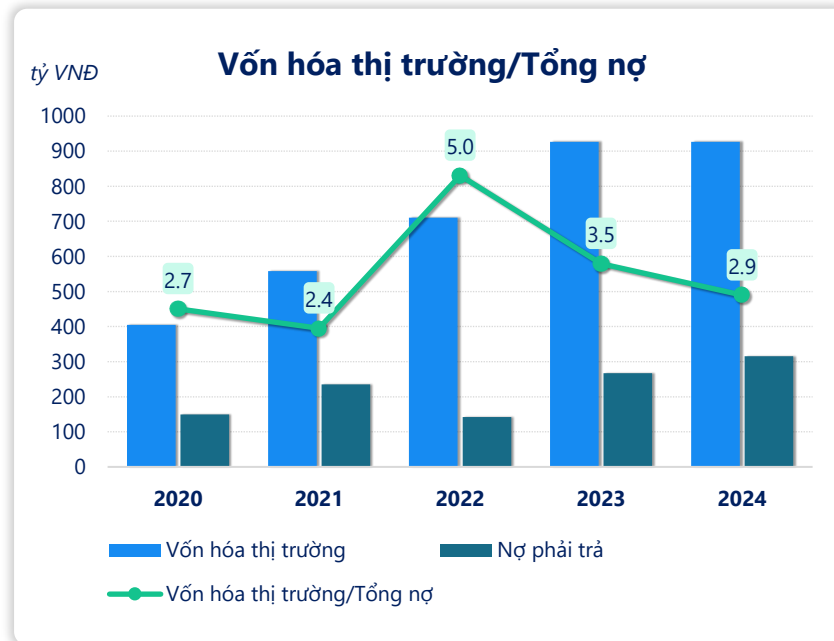
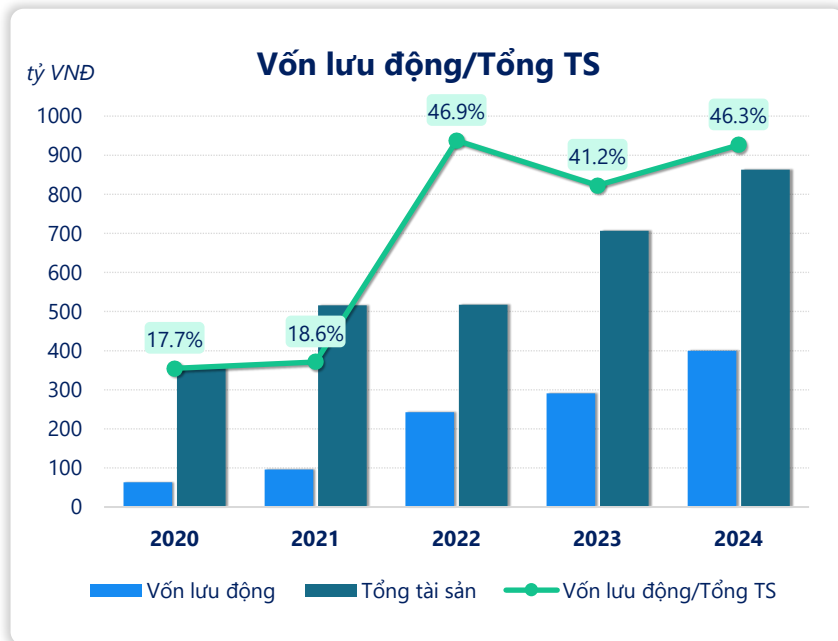
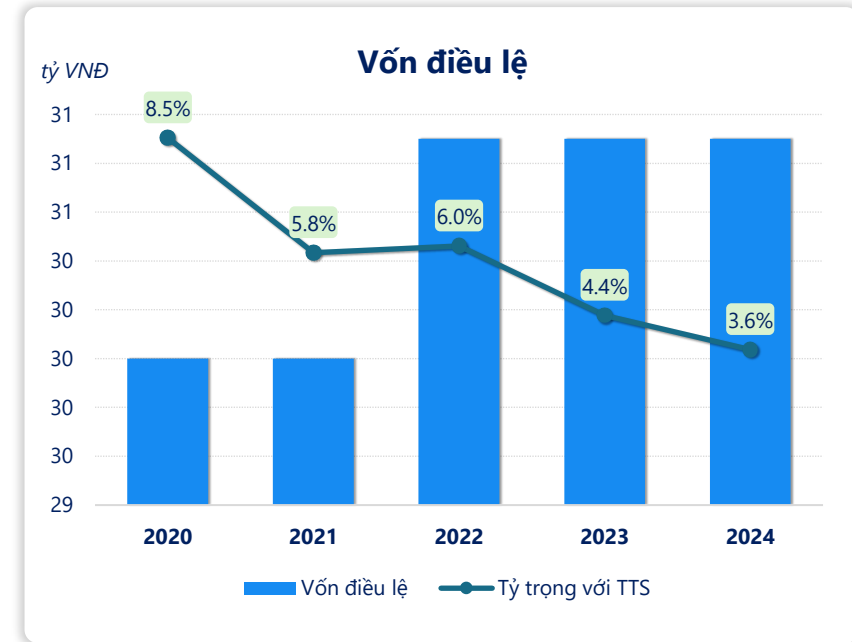
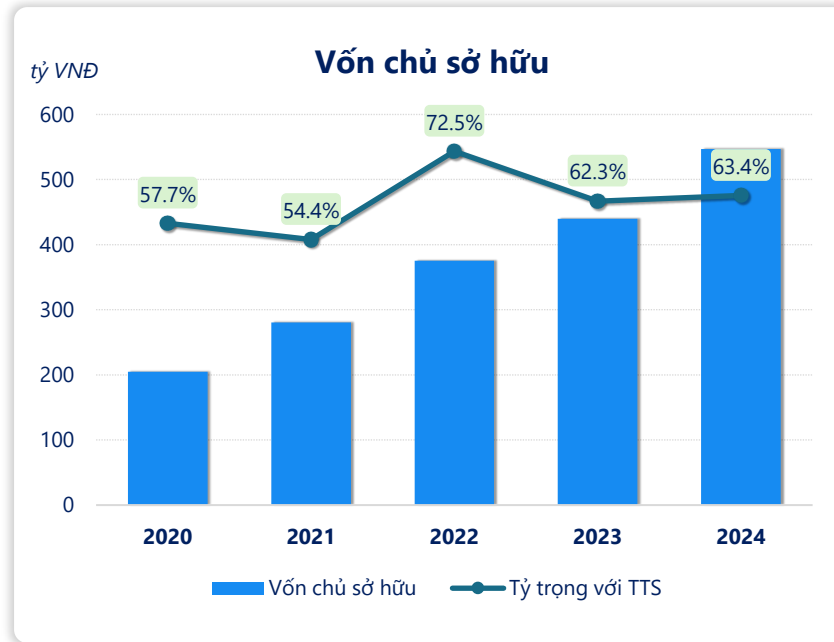
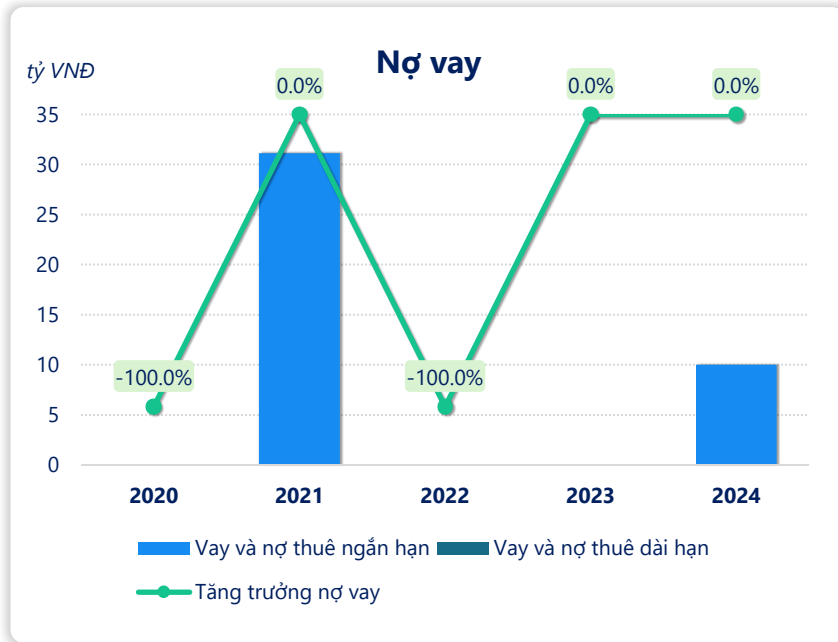




Tài sản dài hạn đạt **161.8** tỷ đồng giảm **8.63%** so với năm trước. Dẫn đến, tỷ trọng trên tổng tài sản giảm còn **18.8%**. Trong đó **tài sản cố định** chiếm cao nhất **14.4%**, sau đó là tài sản dài hạn khác chiếm 2.25%.

Phân tích cơ cấu tài sản dài hạn giúp đánh giá khả năng sinh lợi dài hạn, khả năng chi trả nợ dài hạn và khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông. Cần đánh giá tổng quan với các doanh nghiệp cùng ngành để đưa ra kết luận tốt hơn.





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	863	707	22.1%
Tài sản ngắn hạn	701	530	32.3%
Tiền và tương đương tiền	340	224	51.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	227	112	102%
Phải thu ngắn hạn	68.9	94.4	-27.0%
Hàng tồn kho	64.6	99.0	-34.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.66	0.26	149%
Tài sản dài hạn	162	177	-8.6%
Phải thu dài hạn	0.13	0	
Tài sản cố định	125	148	-15.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.7	15.9	11.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	19.4	13.3	45.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	316	267	18.4%
Nợ ngắn hạn	301	239	26.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	74.1	91.4	-19.0%
Nợ dài hạn	14.4	28.0	-48.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	547	440	24.3%
Vốn chủ sở hữu	547	440	24.3%
Vốn điều lệ	30.9	30.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	710	981	1,369	1,470	1,573
Giá vốn hàng bán	550	786	1,091	1,191	1,265
Lợi nhuận gộp	159	195	279	279	308
Doanh thu HĐTC	4.52	4.33	11.0	12.6	12.7
Chi phí TC	0.32	0.23	0.70	0.59	0.22
Chi phí lãi vay	0.32	0.23	0.51	0.40	0.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	69.5	76.6	106	120	113
Chi phí QLDN	13.8	20.1	25.3	27.9	38.7
LN thuần từ HĐKD	80.4	102	158	143	168
Lợi nhuận khác	1.74	0.29	0.60	-2.89	0.63
LN trước thuế	82.1	102	158	140	169
Lợi nhuận sau thuế	64.8	81.8	127	111	135
LNST của CĐ cty mẹ	64.8	81.8	126	111	135

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	150	129	154	185	252
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-34.6	-139	-45.6	-76.3	-118
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.0	25.1	-63.1	-46.4	-17.9
Tiền đầu kỳ	5.80	101	116	162	224
Lưu chuyển tiền thuần	95.4	14.9	45.5	62.1	116
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	101	116	162	224	340